

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27-9-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Lập;

Bà Nguyễn Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Trang Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 452/2019/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thu Đ (Gái), sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 2, ấp Hội T, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Bị đơn: Anh Trịnh Xuân Đ, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 2, ấp Hội T, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 6 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu Đ trình bày:

Chị với anh Trịnh Xuân Đ sống chung với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ngày 10-12-2002, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống chung giữa chị và anh Đ tình tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm nhưng không trầm trọng, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng từ đầu năm 2019 (âm lịch) cho đến nay, nguyên nhân là anh Đ có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác (chị nghi ngờ chứ không có chứng cứ) nên về nhà tìm cách gây gổ với chị, anh Đ cho rằng chị có quan hệ bất chính với người khác và đòi giết chị nên chị đã bỏ nhà đi nơi khác sống nhằm tránh né anh Đ. Sự việc kéo dài từ

đầu năm 2019 cho đến nay không thể hàn gắn được, do đó nay chị nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với anh Đ nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Thành Đ, sinh ngày 21-12-2002 và Trịnh Thành Đ2, sinh ngày 12-3-2008, hiện các con chung đang sống chung nhà với anh Đ. Nếu ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Lời khai tại các biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Trịnh Xuân Đ có ý kiến:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Đ về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn; anh thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân từ việc anh không đồng ý cho vợ anh sử dụng mạng xã hội Zalo, Facebook và anh nghi ngờ vợ anh có mối quan hệ không trong sáng với người khác nên anh có hành vi đập, bẻ sim điện thoại của chị Đ, do đó chị Đ đã bỏ nhà đi cách nay khoảng 03 tháng và làm gì, ở địa chỉ nào anh không biết. Anh có gọi điện thoại cho chị Đ yêu cầu về hàn gắn nhưng chị Đ không đồng ý.

Ngoài ra, khoảng 01 năm trước đây, vợ chồng anh có mâu thuẫn dẫn đến gây gổ với nhau về việc anh tham gia đánh bạc và thường xuyên uống rượu nhưng vợ chồng đã hàn gắn vì anh đã sửa đổi.

Nói chung, mâu thuẫn phát sinh từ khi chị Đ bắt đầu biết dùng mạng xã hội và sử dụng không đúng mục đích, cụ thể như: Chụp ảnh cá nhân đăng lên mạng để kêu gọi kết bạn; thường xuyên có những cuộc điện thoại và tin nhắn số điện thoại lạ gửi đến, anh yêu cầu xem điện thoại thì không đồng ý nên anh nghi ngờ chị có quan hệ không trong sáng với người khác, không chung thủy với anh, chứ anh không có quan hệ tình cảm với người khác như chị Đ trình bày. Anh nhận thấy còn thương yêu vợ con, mong được hàn gắn với chị Đ để cùng chăm sóc con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung họ tên, ngày tháng năm sinh như chị Đ trình bày, hiện nay 02 cháu đang sống chung nhà với anh. Nếu phải ly hôn thì anh yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Huỳnh Thị Thu Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung; anh Trịnh Xuân Đ vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy giữa chị Đ và anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay không thể hàn gắn được nên chị Đ yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Chị Đ và anh Đ có 02 người con tên Trịnh Thành Đ, sinh ngày 21-12-2002 và Trịnh Thành Đ2, sinh ngày 12-3-2008, hiện hai cháu đang sống chung nhà với anh Đ, trong quá trình giải quyết vụ án anh, chị đều có yêu cầu nuôi 02 con chung. Tuy nhiên cháu Đ và cháu Đ2 cùng có nguyện vọng muốn sống với chị Đ nên cần giao cháu Đ và cháu Đ2 cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ, anh Đ không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

Do đó căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Thu Đ đối với anh Trịnh Xuân Đ.

+ Về nuôi con chung: Giao con tên Trịnh Thành Đ, sinh ngày 21-12-2002 và Trịnh Thành Đ2, sinh ngày 12-3-2008 cho chị Huỳnh Thị Thu Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Đ không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Đ, anh Đ không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Thu Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trịnh Xuân Đ là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thu Đ và anh Trịnh Xuân Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2002, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đ thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ không đồng ý ly hôn với chị Đ với lý do anh vẫn còn tình cảm và quan tâm đến chị Đ mong được hàn gắn để cùng nhau nuôi con chung. Tuy nhiên, tại

biên bản lấy khai và biên bản hòa giải tại các bút lục số 24, 29, 30 anh Trịnh Xuân Đ đã thừa nhận “Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân từ việc anh không đồng ý cho vợ anh sử dụng mạng xã hội Zalo, Facebook và anh nghi ngờ vợ anh có tình cảm với người khác giới nên anh có đập và bẻ sim điện thoại của chị Đ, do đó chị Đ đã bỏ nhà đi cách nay khoảng 03 tháng và làm gì, ở địa chỉ nào anh không biết”. Ngoài ra, anh Đ cũng thừa nhận khoảng 01 năm trước đây, vợ chồng anh có mâu thuẫn dẫn đến gây gổ với nhau về việc anh tham gia đánh bạc và thường xuyên uống rượu nhưng vợ chồng đã hàn gắn vì anh đã sửa đổi. Việc anh Đ thừa nhận có xảy ra mâu thuẫn với chị Đ, không đồng ý ly hôn mà muốn đoàn tụ nhưng đến nay vẫn không thể hàn gắn được, chị Đ cũng bỏ đi không sống chung với anh Đ từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay; anh Đ cũng không biết chị Đ đi đâu; điều này thể hiện giữa anh, chị không quan tâm đến nhau, quan hệ hôn nhân giữa anh, chị không có khả năng hàn gắn. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị Đ và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng dẫn đến vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên chị Đ yêu cầu ly hôn với anh Đ là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về nuôi con chung: Chị Đ và anh Đ có 02 người con tên Trịnh Thành Đ, sinh ngày 21-12-2002 và Trịnh Thành Đ2, sinh ngày 12-3-2008, hiện hai cháu đang sống chung nhà với anh Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án anh, chị đều có yêu cầu nuôi 02 con chung, tuy nhiên theo biên bản lấy ý kiến của cháu Đ và cháu Đ2 thì 02 cháu cùng có nguyện vọng muốn sống với chị Đ; tại phiên tòa chị Đ cung cấp mức thu nhập bình quân mỗi tháng của chị khoảng 10.000.000 đồng. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các con chung nên cần giao con chung tên Trịnh Thành Đ, sinh ngày 21-12-2002 và Trịnh Thành Đ2, sinh ngày 12-3-2008 cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị Đ không yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) 02 con chung cùng với chị.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Đ, anh Đ không yêu cầu giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Thu Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Thu Đ và anh Trịnh Xuân Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trịnh Thành Đ, sinh ngày 21-12-2002 và Trịnh Thành Đ2, sinh ngày 12-3-2008 cho chị Huỳnh Thị Thu Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Đ không yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) 02 con chung cùng với chị.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai Đ2 cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Đ và anh Đ không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Thu Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng Đ2 trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0015573 ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Thu Đ có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trịnh Xuân Đ có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Quốc